

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 4 năm 2020
V/v: “Kiện xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính – Là thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019, về “Kiện xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST – HNGĐ ngày 21/3/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Văn T, sinh năm 1970.

Nơi ĐKNKTT: tổ 9, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Chung cư Mường T, tổ 1, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 6, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Chung cư Mường T, tổ 1, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt bà Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị Th đến với nhau là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau và được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/12/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, công việc và sinh hoạt cũng như cuộc sống của hai bên khác biệt nhau dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung từ đó bà Th luôn làm theo ý mình dẫn đến kinh tế gia đình bị sa sút và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay. Quá trình sống ly thân

đến tháng 7/2019 vợ chồng có gặp gỡ để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay ông T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Bà Nguyễn Thị Th xác nhận điều kiện kết hôn như ông T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn, cuộc sống hai vợ chồng vẫn bình thường nhưng trong công việc có gặp nhiều khó khăn về kinh tế dẫn tới việc bà phải bươn chải làm ăn ở ngoài từ cuối năm 2017, trong thời gian đó vợ chồng vẫn vui vẻ hòa thuận. Đến ngày 29 tháng 7 năm 2019 ông T yêu cầu vợ chồng ngồi nói chuyện về việc ly hôn với lý do là vợ chồng không hòa hợp dẫn đến hôn nhân không đạt được mục đích. Nay ông T xin ly hôn bà xin đoàn tụ để vợ chồng chung tay khắc phục những khó khăn hiện tại để cùng nhau nuôi dạy con.

- Về con chung: Ông Đào Văn T khai vợ chồng có hai con chung là Đào Thế Đ, sinh năm 2001 và Đào Thế A, sinh ngày 22/12/2005. Khi ly hôn ông xin được nuôi con chung là Đào Thế A, không yêu cầu bà Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Đào Thế Đ đã trưởng thành hiện đang học đại học tại Hà Nội nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có con nuôi, ông Th không có con riêng.

Bà Nguyễn Thị Th công nhận vợ chồng có hai con chung như ông T trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của ông T thì bà xin được nuôi con chung là Đào Thế A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Đào Thế Đ đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có con nuôi, bà Th có một người con riêng là Trần Việt A1, sinh năm 1992 khi ly hôn bà không đề nghị Tòa án giải quyết về con riêng. Hiện bà Th không có thai nghén.

- Về tài sản chung: Ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị Th thống nhất thỏa thuận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị Th tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa: Ông Đào Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Th và xin được nuôi con chung là Đào Thế A, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông.

Bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn T: Xử lý hôn giữa ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị Th.

2/ Về con chung: Giao cháu Đào Thế A cho ông Đào Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà Nguyễn Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông T.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Đào Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đào Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

[3] Cuộc hôn nhân giữa ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị Th hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 20/02/1998 tại Ủy ban nhân dân phường T (thị xã P) nay là thành phố P, tỉnh Hà Nam thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đào Văn T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn ông T và bà Th có thời gian chung sống hòa thuận và sinh được hai người con chung, sau đó bất đồng quan điểm sống và đã có thời gian sống ly thân. Từ đầu năm 2019 tới nay không bên nào quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Cuộc hôn nhân giữa ông T và bà Th đã hoàn toàn chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 7/2019 đến nay là có thật được đôi bên thừa nhận. Bà Th xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp khắc phục để hàn gắn gia đình nên việc bà Th xin đoàn tụ là không có căn cứ.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đào Văn T được Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp với quy định tại các Điều 51, 54 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị Th có hai con chung là Đào Thế Đ, sinh năm 2001 và Đào Thế A, sinh ngày 22/12/2005. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con chung là Đào Thế A của ông T và bà Th là chính đáng. Tuy nhiên xét nguyện vọng của cháu Đào Thế A, khi bố mẹ ly hôn xin được ở với bố. Mặt khác kể từ khi vợ chồng sống ly thân tới nay cháu A vẫn ở cùng với ông T. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Đào Thế A cho ông Đào Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và bà Th không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng ông T là phù hợp với quy định tại 3 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đối với Đào Thế Đ đã trưởng thành, các đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về con nuôi: Ông T, bà Th thống nhất vợ chồng không có con nuôi nên Hội đồng xét xử không đề cập. Về con riêng: Bà Th có một người con riêng sinh năm 1992, khi ly hôn không đề nghị giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản chung: Ông T, bà Th thống nhất thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập. Về công nợ chung: Ông T, bà Th tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Đào Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị Th.

2/ Về con chung: Giao ông Đào Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Đào Thế A (con trai), sinh ngày 22/12/2005. Bà Nguyễn Thị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông Đào Văn T.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung. Hiện bà Th không có thai nghén.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Đào Văn Th phải nộp 300.000đ được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004383 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Án xử công khai sơ thẩm ông Đào Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Th vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THA dân sự thành phố P;
- UBND phường T, TP P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Duy

